

Bản án số: 65/2024/DS-PT

Ngày: 18 - 12 - 2024

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

2. Bà Từ Thị Hải Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân

tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLPT-TCDS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2024/QĐXXPT-DS, ngày 19/11/2024, giữa các đương sự:

1. **Đồng nguyên đơn:** Anh Bùi Đông T, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xóm D, thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Đều có mặt.

2. **Đồng bị đơn:** Anh Trương Quốc P, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1982. Địa chỉ: C, thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Anh P1 có mặt, chị N vắng mặt (Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Xuân H và ông Phạm Thành Thông T2 công ty L

Địa chỉ: H T, TDP A, phường B, thành phố Đ, tỉ8nhr Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng nguyên đơn anh Bùi Đông T và chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Năm 2003, vợ chồng anh chị có mua 01 thửa đất do UBND xã Q bán tại khu vực Trung

tâm cụm [xã Q](#) (có biên bản giao mốc theo quy hoạch trung tâm cụm xã kèm theo) nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/11/2012, [UBND xã Q](#) mời gia đình anh chị đến để thống nhất việc đổi đất, mở rộng khuôn viên Trường mầm non khu vực trung tâm, anh, chị đã thống nhất đổi thửa đất trên để lấy thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57, diện tích 412,2 m² (có biên bản làm việc về việc đổi đất vùng quy hoạch xây dựng [T3](#) mầm non). Thửa đất của vợ chồng anh chị giáp lô đất của anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình xây dựng nhà ở, làm mái che, các công trình khác và trồng cây, gia đình anh [P](#) chị [N](#) đã lấn sang phần diện tích lô đất của anh chị về phía Đông với tổng diện tích khoảng 45,1m². Tứ cận phần đất lấn chiếm cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc có chiều dài 0,64m; cạnh phía Đông có chiều dài 35,67m; cạnh phía Nam có chiều dài 2,22m; cạnh phía Tây có chiều dài 34,87m. Vì vậy, anh chị yêu cầu vợ chồng anh [P](#) chị [N](#) trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm để anh chị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đồng bị đơn anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) trình bày: Năm 2002, vợ chồng anh mua 01 thửa đất với diện tích là 481,7 m² để làm nhà ở và sinh sống. Trong quá trình thi công do không rõ ranh giới đất nên anh chị vẫn hoàn thiện các công trình trên đất và đưa vào sử dụng từ đó đến nay. Đến năm 2023, gia đình anh [T](#), chị [T1](#) có 01 thửa đất liền kề với thửa đất của vợ chồng anh nên anh [T](#), chị [T1](#) đến trao đổi với vợ chồng anh về việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã đo đạc lại, phát hiện công trình nhà anh có xây dựng lấn chiếm vào thửa đất của anh [T](#), chị [T1](#). Theo đơn khởi kiện của anh [T](#) và chị [T1](#) cho rằng anh lấn chiếm đất của vợ chồng anh [T](#), chị [T1](#) tại thời điểm làm nhà là không đúng, mà lúc đó còn là đất của Nhà nước vì đến năm 2012 anh [T](#) và chị [T1](#) mới đổi đất xây dựng [Trường mầm non Q](#). Anh chị không đồng ý với diện tích 45,1 m² mà anh [T](#), chị [T1](#) đã trình bày, đề nghị Tòa án xác định lại phần diện tích này. Vợ chồng anh [T](#) chị [T1](#) yêu cầu vợ chồng anh trả lại phần diện tích đất mà vợ chồng anh đã xây dựng trên thửa đất của vợ chồng anh [T](#) và chị [T1](#) thì anh, chị muốn mua lại phần diện tích đất này, vì anh chị đã xây dựng các công trình từ trước.

Ngoài ra anh [P](#), chị [N](#) trình bày thêm ý kiến: Từ năm 2002, anh chị đã được [UBND xã Q](#) giao đất có thu tiền sử dụng đất thửa đất số 188, tờ bản đồ số 57 tại [xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#). Khi được giao đất, anh [P](#) và chị [N](#) đã sử dụng làm nhà ở và các công trình phụ trợ trên đất từ năm 2002 đến nay. Quá trình sử dụng đất anh chị đã làm hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được [UBND huyện Q](#) cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu năm 2009, và đến năm 2012 [UBND huyện Q](#) tiếp tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên số phát hành: 630525, số vào sổ cấp giấy: CH02317, cấp ngày 25/10/2012, với tổng diện tích 481,7 m² tại địa chỉ [C, thôn H, xã Q](#). Vì vậy, anh chị yêu cầu tuyên “Biên bản làm việc về việc đổi đất trong khu quy hoạch xây dựng trường Mầm non khu vực trung tâm [xã Q](#) ngày 13/11/2012 giữa [UBND xã Q](#) và gia đình ông [Bùi Đông T](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#)” là vô hiệu, do giao dịch dân sự trên vi phạm nghiêm trọng điều cấm của luật. Và việc giải quyết hậu quả của

giao dịch dân sự vô hiệu nói trên, các chủ thể tham gia chuyển đổi đất năm 2012 tự giải quyết với nhau bằng một yêu cầu độc lập khác.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 157, 158, 165, 166, 200, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 163, 164, 166, 274, 275, 276; khoản 2 Điều 468; các Điều 579, 580 và 584 của Bộ luật dân sự; Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) bồi thường cho anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) số tiền 6.681.000 đồng đối với phần diện tích 3,93m² đất xây dựng nhà ở; phá dỡ giàn mát (mái che) diện tích 2,48m², ô văng diện tích 0,69m² trên đất của anh [T](#), chị [T1](#) và trả lại cho anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) diện tích 3,17m² đất ở. Di dời 03 cây xoan, 01 cây mưng, 01 cây sanh, 01 cây hoa sữa, 03 cây nhàu, 03 cây nhãn, 01 cây bưởi trồng trên diện tích 15,44m² đất trồng cây hàng năm khác của anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) và trả lại cho anh [T](#), chị [T1](#) diện tích 15,44m² đất trồng cây hàng năm khác. Tổng trị giá tài sản tranh chấp 11.663.500đ (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải trả lại cho anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị Tam P2](#) diện tích đất 3,17m² làm giàn mát, mái che và 15,44m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57 tại [thôn H, xã Q, huyện Q](#).

Tạm giao cho anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) tiếp tục sử dụng diện tích 408,27m², trong đó 396,07m² đất ở và 12,2m² đất trồng cây hàng năm khác của thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57 tại [thôn H, xã Q, huyện Q](#) theo Sổ mục kê đất đai do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) phê duyệt ngày 28/12/2012. Anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#), anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ về đất đai theo quy định của pháp luật,

(Diện tích tranh chấp 3,93m² đất ở, 3,17m² đất làm giàn mát, mái che và 15,44m² đất trồng cây hàng năm khác được mô tả theo sơ đồ đính kèm theo bản án sơ thẩm, là một phần không tách rời của bản án sơ thẩm).

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải trả lại cho anh [Bùi Đông T](#) và chị [Nguyễn Thị T1](#) số tiền 7.100.000 đồng.

4. Về án phí: Anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải chịu số tiền 583.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho anh [Bùi Đông T](#) và

chị [Nguyễn Thị T1](#) số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002111 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2024 bị đơn ông [Trương Quốc P](#) và bà [Nguyễn Thị Hồng N](#) kháng cáo yêu cầu Toà án tỉnh Quảng Bình xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Đồng nguyên đơn trình bày: Năm 2003, vợ chồng anh chị có mua 01 thửa đất do [UBND xã Q](#) bán tại khu vực Trung tâm cụm. Ngày 13/11/2012, [UBND xã Q](#) mời gia đình anh chị đến để thống nhất việc đổi đất nhằm mở rộng khuôn viên [Trường mầm non K](#), do đó anh chị đã đồng ý đổi thửa đất nêu trên để lấy thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57, diện tích 412,2 m². Thửa đất của vợ chồng anh chị giáp lô đất của anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình xây dựng nhà ở, mái che, các công trình khác và trồng cây, gia đình anh [P](#) và chị [N](#) đã lấn sang phần diện tích đất của vợ chồng anh với tổng diện tích khoảng 45,1m². Vì vậy, anh chị yêu cầu vợ chồng anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm để anh chị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đồng bị đơn trình bày: Năm 2002, vợ chồng anh đã mua 01 thửa đất với diện tích là 481,7 m² để làm nhà ở và sinh sống. Do không rõ ranh giới cụ thể nên anh chị xây dựng các công trình trên đất và đưa vào sử dụng. Năm 2023, gia đình anh [T](#), chị [T1](#) đến trao đổi với vợ chồng anh về việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã đo đạc lại, phát hiện công trình nhà anh có xây dựng lấn chiếm vào thửa đất của anh [T](#), chị [T1](#). Anh, chị muốn mua lại phần diện tích đất đã xây dựng nói trên. Ngoài ra anh [P](#), chị [N](#) còn đề nghị xem xét việc phản tố yêu cầu tuyên giao dịch dân sự vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật. Cụ thể, “Biên bản làm việc về việc đổi đất trong khu quy hoạch xây dựng trường Mầm non khu

vực trung tâm [xã Q](#) ngày 13/11/2012 giữa [UBND xã Q](#) và gia đình ông [Bùi Đông T](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#)" là vô hiệu do giao dịch dân sự trên vi phạm nghiêm trọng điều cấm của luật.

** Đại diện VKSND tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của [Đ](#) bị đơn (vợ chồng anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#)) cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, anh [P](#), chị [N](#) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 28 tháng 9 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS - ST.

Ngày 30/9/2024, bị đơn vợ chồng anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn, làm trong hạn luật định, kháng cáo của bị đơn đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nguồn gốc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57 tại [thôn H, xã Q, huyện Q](#): Theo Sổ mục kê đất đai do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) phê duyệt ngày 28/12/2012 cấp cho hộ anh [Bùi Đông T](#), diện tích 412,2m², trong đó đất ở 400 m², đất trồng cây hàng năm khác 12,2 m². Thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57 tại [thôn H, xã Q, huyện Q](#) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đổi thửa đất của anh [T](#) và chị [T1](#) tiếp giáp với [Trường Mầm non xã Q](#) để mở rộng [Trường Mầm non xã Q](#), đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia là hợp pháp;

Nguồn gốc thửa đất 188, tờ bản đồ số 57 anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) đang sử dụng: Ngày 01/11/2010, được [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 919695, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00015. Diện tích 300m² đất ở tại nông thôn. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ngày 25/10/2012, được [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 630525, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH02317. Diện tích 481.7m² (gồm 300m² đất ở và 181.7m² đất trồng cây hàng năm khác). Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất là hợp pháp.

[3] Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất đã cấp cho anh [Bùi Đông T](#), chị [Nguyễn Thị T1](#) và anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) xác định:

- Thửa đất anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) thực tế đang sử dụng diện tích 504,24m², vượt diện tích 22,54m² so với giấy CNQSD đã cấp do sử dụng đất của thửa đất 189, tờ bản đồ số 57 liền kề; trong đó sử dụng diện tích đất xây dựng nhà ở, ô văng, giàn mát 7,1m²; sử dụng diện tích đất trồng cây hàng năm khác 15,44m².

- Thửa đất anh [Bùi Đông T](#), chị [Nguyễn Thị T1](#) có diện tích 389,66m², thiếu diện tích 22,54m² do bị anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) sử dụng lấn chiếm.

[4] Đối với yêu cầu của đồng bị đơn về việc đề nghị trả tiền diện tích đất ở sử dụng lấn chiếm theo giá Nhà nước cho anh [T](#) và chị [T1](#): Tại cấp phúc thẩm anh [T](#) chị [T1](#) không đồng ý nên buộc cần đồng bị đơn phải trả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã làm nhà theo giá thị trường tại thời điểm định giá đất ở đồng bị đơn được cấp quyền sử dụng 1.700.000 đồng/m².

[5] Đối với yêu cầu tuyên bố: “Biên bản làm việc về việc đổi đất trong khu quy hoạch xây dựng Trường mầm non khu vực trung tâm [xã Q](#) ngày 13/11/2012 giữa [UBND xã Q](#) và gia đình anh [Bùi Đông T](#), chị [Nguyễn Thị T1](#)” là vô hiệu do giao dịch dân sự vi phạm nghiêm trọng điều cấm của luật: Hội đồng xét xử xét thấy, Biên bản làm việc về việc đổi đất trong khu quy hoạch xây dựng Trường mầm non khu vực trung tâm [xã Q](#) ngày 13/11/2012 giữa [UBND xã Q](#) và gia đình anh [Bùi Đông T](#), chị [Nguyễn Thị Tam thể H1](#) sự trao đổi, thống nhất về việc hoán đổi đất phục vụ xây dựng trường mầm non, là căn cứ để [UBND xã Q](#) báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành việc hoán đổi đất; anh [T](#), chị [T1](#) đã nhận thửa đất hoán đổi là thửa đất số 189, tờ bản đồ số 57 được ghi nhận trong Sổ mục kê đất đai do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) phê duyệt ngày 28/12/2012. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu xác định lại ranh giới diện tích với nhà ở và công trình xây dựng gắn liền trên đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất trên thực tế đã chiếm hữu, quản lý, sử dụng liên tục và ổn định từ năm 2002: Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 15/7/2009, anh [Trương Quốc P](#) làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 01/11/2010, anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) được [UBND huyện Q](#) cấp giấy CNQSD đất. Ngày 16/9/2011, anh [Trương Quốc P](#) làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đã được [UBND huyện Q](#) cấp giấy CNQSD đất số BL 630525, vào sổ cấp GCN: CH02317 (tăng diện tích 181,7m² đất trồng cây hàng năm khác). Tuy nhiên, qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định anh [P](#) và chị [N](#) sử dụng đất vượt giấy chứng nhận đã cấp mới nhất (ngày 25/10/2012) là 22,54m², diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của anh [T](#) và chị [T1](#).

[7] Từ những nhận định, đánh giá trên, xét thấy yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận. Cần giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án

sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch. Anh [P](#), chị [N](#) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, các Điều 157, 158, 165, 166, 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 163, 164, 166, 274, 275, 276; khoản 2 Điều 468; các Điều 579, 580 và 584 của Bộ luật dân sự; Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (vợ chồng anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#)). Giữ nguyên toàn bộ Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 28/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí: Anh [Trương Quốc P](#) và chị [Nguyễn Thị Hồng N](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/12/2024).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Quảng Trạch;
- CCTHADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Dương